

Bản án số: 123/2025/DS-ST

Ngày: 08-5-2026

V/v: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả
tiền”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ánh
2. Bà Nguyễn Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Tiệp, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 145/2025/TLST-DS ngày 22/10/2025 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/QĐ-DSST ngày 15/4/2026, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Công H, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn P, xã Th, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Nam A – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV K & Cộng Sự; địa chỉ: S13, đường số 16 An Cựu City, phường An Cựu, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Công N, sinh năm 2004; địa chỉ: Thôn B, xã Th, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Đầu tháng 9/2024, ông Hoàng Công H và ông Trần Công N góp vốn để kinh doanh quán nhậu với số tiền mỗi người góp là 150.000.000 đồng; sau khi mở quán buôn bán được hơn 04 tháng thì hai bên phát sinh mâu thuẫn nên không tiếp tục làm chung được nữa. Ông H và ông N thỏa thuận giao quán lại cho ông N trực tiếp quản lý, buôn bán. Ông N đồng ý thôi trả tiền góp vốn cho ông H là 150.000.000 đồng và thanh toán trong thời hạn 40 tháng, mỗi tháng trả số tiền 3.750.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó ông N trả cho ông H được hai tháng với tổng số tiền là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; đến tháng thứ ba thì ông N không trả cho ông H nữa.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu ông Trần Công N phải trả cho ông H số tiền theo hợp đồng thanh toán rút vốn còn nợ là 142.500.000 đồng.

- Nguyên đơn ông Hoàng Công H không bổ sung gì thêm.

- Trong quá trình giải quyết vụ án – bị đơn ông Trần Công N trình bày: Tháng 9/2024 đến tháng 02/2025, ông N và ông Hoàng Công H có góp vốn để kinh doanh quán nhậu nhưng đến tháng 02 năm 2025 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn nên thỏa thuận giao quán cho ông trực tiếp tiếp quản lý và thôi vốn lại cho ông H. Theo đó, giữa ông và ông H có ký hợp đồng thanh toán rút vốn và ông cam kết trả lại cho ông H số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, thời hạn trả trong vòng 40 tháng với số tiền mỗi tháng là 3.750.000 (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng; thanh toán vào ngày 01 hằng tháng. Sau khi ký hợp đồng thanh toán rút vốn, ông N đã trả cho ông H được hai tháng với tổng số tiền 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; gồm tiền chuyển khoản 2.568.000 đồng, trừ tiền nhậu 1.182.000 đồng và chuyển khoản tháng thứ hai số tiền 3.750.000 đồng. Hiện nay số tiền còn nợ lại là 142.500.000 (Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn) đồng. Lý do không tiếp tục trả là vì hai bên còn nợ chung số tiền 102.636.000 (Một trăm lẻ hai triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn) đồng và tiền nợ nhân viên khi hai bên còn làm chung. Ngoài ra, sau khi sang lại quán thì trong thời gian buôn bán ông H còn đăng bài lên facebook làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của quán nên ông N không đồng ý tiếp tục trả số tiền còn nợ cho ông H.

Tại các phiên tòa, ông Trần Công N vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

+ Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Trần Công N phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Công H số tiền còn nợ là 142.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nơi cư trú của bị đơn – ông Trần Công N có địa chỉ tại Thôn B, xã Th, thành phố Đà Nẵng; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 142.500.000 đồng, nên đây là quan hệ tranh chấp về “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung khởi kiện: Ông Hoàng Công H khởi kiện yêu cầu ông Trần Công N phải trả số tiền theo hợp đồng thanh toán rút vốn còn nợ là 142.500.000 đồng. Xét thấy, hợp đồng thanh toán rút vốn được ký kết giữa các bên trên cơ sở tự

thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì ông Trần Công N có nghĩa vụ thanh toán mỗi tháng 3.750.000 đồng và trả trong vòng 40 tháng; tuy nhiên ông N mới trả được hai tháng với tổng số tiền 7.500.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thừa nhận số tiền nợ đến nay bị đơn chưa trả là 142.500.000 đồng; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đến nay, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại hợp đồng nên ông H khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

[3.] *Về lãi suất:* Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 280, Điều 351, 357, 401 của Bộ luật Dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Trần Công N phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Công H số tiền còn nợ là 142.500.000 đồng.

[4] *Về án phí:* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 280, 351, 357, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Công H đối với bị đơn ông Trần Công N về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

1. Buộc ông Trần Công N phải có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Công H số tiền còn nợ là 142.500.000 đồng (*Một trăm bốn mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: **7.125.000 đồng** (*Bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*), buộc ông Trần Công N phải chịu. Hoàn trả cho ông Hoàng Công H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 3.600.000 đồng (*Ba triệu sáu trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004282 ngày 21/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/5/2026), đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp. Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6-Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 6-Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thế